

THỰC TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SỰ PHẠM RA TRƯỜNG VÀ QUY TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG NGHỀ NGHIỆP (POHE)

Nguyễn Việt Hà

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Theo khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và của một số trường đại học sư phạm trong cả nước, hiện nay tỉ lệ sinh viên sư phạm ra trường có việc làm chiếm khoảng 80,6%. So với tỷ lệ 86-90% sinh viên ra trường có việc làm của các nhóm ngành khác thì tỷ lệ sinh viên sư phạm có việc làm còn tương đối thấp. Ngoài nguyên nhân khách quan do môi trường việc làm, thì một nguyên nhân chủ quan đó là chất lượng đào tạo sinh viên sư phạm chưa thực sự đáp ứng được với yêu cầu của xã hội. Việc định hướng, xây dựng và đổi mới việc đào tạo sinh viên theo hướng ứng dụng nghề nghiệp (POHE) đang được các trường đại học áp dụng và cho thấy hiệu quả rất tốt. Trên cơ sở tìm hiểu tài liệu, so sánh, tổng hợp và phân tích vấn đề liên quan đến thực trạng việc làm sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp hiện nay, bài viết đưa ra một số đề xuất xây dựng chương trình đào tạo giáo viên theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Từ khóa: Chương trình đào tạo giáo viên, định hướng phát triển nghề nghiệp (POHE), sinh viên sư phạm, thực trạng việc làm, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Nhận bài ngày 12.03.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 30.5.2024

Liên hệ tác giả: Nguyễn Việt Hà; Email: nvha@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với sự phát triển của nền tri thức nhân loại, thế giới đã bước vào thời đại công nghệ 4.0. Điều này tạo ra rất nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với các quốc gia. Vai trò của sức mạnh tri thức cũng như việc phát huy nguồn lực con người chính là nhân tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững trong thời đại mới.

Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, Đảng ta cũng đã khẳng định: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân” [1]. Điều đó đòi hỏi sự đổi mới căn bản toàn diện về giáo dục tại các cơ sở giáo dục, nhất là đối với các cơ sở giáo dục đại học. Việc đào tạo đội ngũ giáo viên có đầy đủ năng lực và phẩm chất là yêu cầu cấp thiết đối với các trường sư phạm trong giai đoạn hiện nay.

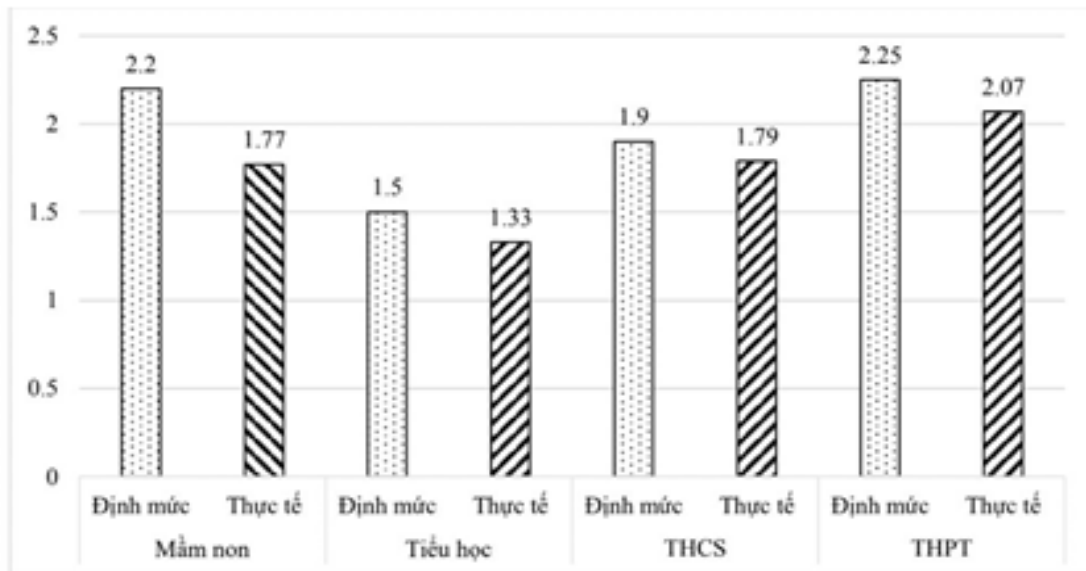
Trên cơ sở sử dụng các phương pháp nghiên cứu tài liệu qua tổng hợp, so sánh, khái quát hoá và phân tích vấn đề liên quan đến thực trạng việc làm sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp hiện nay, bài viết đưa ra một số đề xuất xây dựng chương trình đào tạo giáo viên theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp (profession-oriented higher education - POHE) nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng nhu cầu tuyển dụng giáo viên

2.1.1. Thực trạng nhu cầu tuyển sinh và đào tạo giáo viên

Hiện nay, nước ta có khoảng 154 cơ sở đào tạo giáo viên (15 trường đại học sư phạm, 48 trường đa ngành, 37 viện nghiên cứu đào tạo trình độ thạc sỹ, tiến sỹ, 31 trường cao đẳng và 2 trường trung cấp sư phạm), với hơn 4.416 giảng viên và hàng chục nghìn sinh viên sư phạm ra trường mỗi năm. Nhưng số lượng giáo viên này vẫn không đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

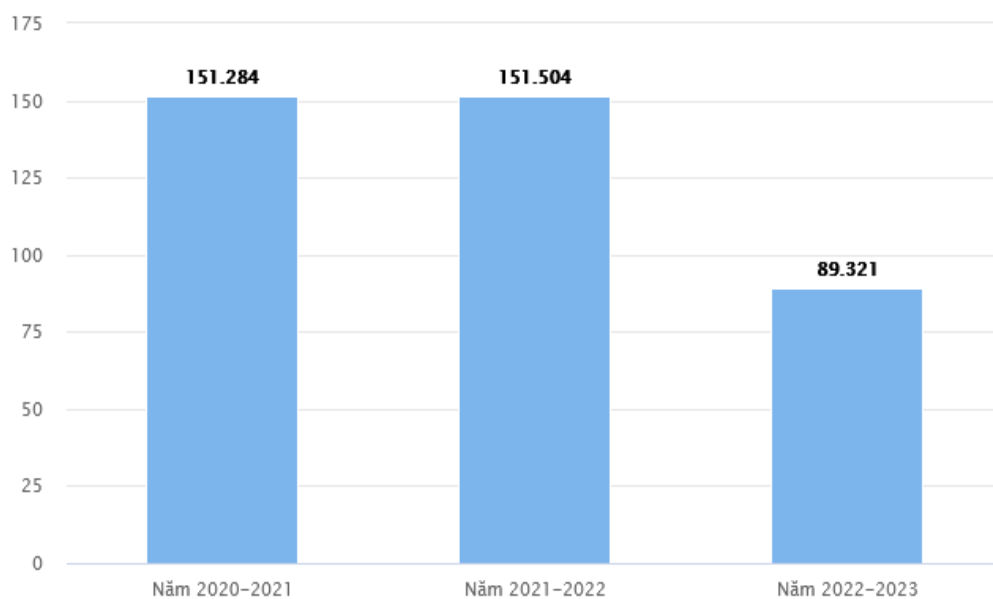


Hình 1: Tỷ lệ giáo viên/lớp học năm học 2022-2023

Theo một khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2023, Việt Nam đang thiếu khoảng 118.253 giáo viên các cấp, số lượng này tăng thêm 11.308 người so với năm học 2021 – 2022. Trong đó số lượng thiếu tại cấp mầm non tăng mạnh nhất (7.887 giáo viên), tiếp theo là cấp THPT (2.045 giáo viên), cấp THCS (1.207 giáo viên), cấp tiểu học (169 giáo viên). Với tỷ lệ sinh viên sư phạm có việc làm sau khi tốt nghiệp khoảng 80,6% so với con số thống kê của các khối ngành khác từ 86-90% thì số lượng việc làm của sinh viên sư phạm còn khá khiêm tốn.

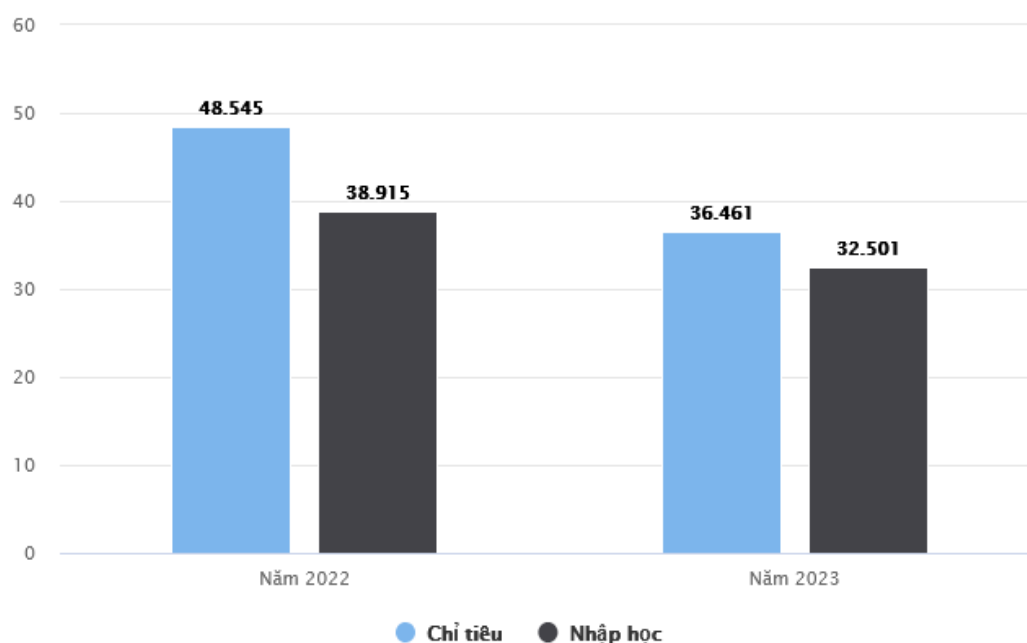
Từ khi thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, việc tuyển sinh giáo viên càng ngày càng đi sâu vào chất lượng, điểm chuẩn vào các trường sư phạm đã tăng cao thu hút được nhiều học sinh giỏi. Nhưng có một điều nghịch lý

với số lượng giáo viên đang thiếu tăng theo hàng năm thì số lượng sinh viên sư phạm được đào tạo lại giảm nhanh chóng.



Hình 2: Quy mô đào tạo giáo viên qua các năm

Năm học 2023, tổng số sinh viên đào tạo đã giảm đi 60.000 sinh viên so với năm 2021. Điều này càng làm cho bài toán thiếu giáo viên trở lên trầm trọng.



Hình 3: Số lượng sinh viên nhập học năm 2022-2023

Mặc dù năm 2023 có 32.500 thí sinh trúng tuyển nhập học nhóm ngành sư phạm, đạt 89,14%, cao hơn mức 80,16% của năm 2022. Tuy nhiên, số lượng thí sinh nhập học năm 2023 vẫn ít hơn năm 2022. Điều này chứng tỏ, ngành sư phạm vẫn chưa phải là một ngành thu hút sự quan tâm của học sinh trong việc lựa chọn nghề trong tương lai [2].

2.1.2. Một số nguyên nhân không thu hút được học sinh vào ngành sư phạm

Các nguyên nhân không thu hút được học sinh vào ngành sư phạm có thể kể đến như:

1) Các trường có đào tạo giáo viên được giao chỉ tiêu tuyển sinh phụ thuộc vào nguồn ngân sách để thực hiện Nghị định 116 và nhu cầu đặt hàng giáo viên của các địa phương. Do đó, số lượng sinh viên sư phạm tuyển giảm, điểm cạnh tranh cao và một số điểm trong Nghị định cũng làm cho sinh viên cân nhắc khi chọn ngành sư phạm: như cam kết phục vụ ngành giáo dục, chấp nhận sự phân công của thành phố địa phương đặt hàng,...

2) Chế độ đãi ngộ và mức lương đối với giáo viên không tương xứng với vị trí việc làm. Áp lực nhiều mà lương của giáo viên của Việt Nam đang được xếp ở mức thấp so với các nước trên thế giới.

3) Cơ hội việc làm đối với sinh viên của ngành sư phạm thấp và kém năng động hơn các ngành nghề khác trong xã hội.

Kết quả nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Lan Phương (2018) cho thấy, chỉ có 10,52% sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp đi làm trong các lĩnh vực khác, điều này thể hiện việc lựa chọn lĩnh vực ngành nghề của sinh viên sư phạm là rất hạn hẹp, trong khi một sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán có thể làm việc ở nhiều lĩnh vực và môi trường khác nhau như: làm kế toán cho một trường học, một bệnh viện, một công ty, làm giao dịch viên cho ngân hàng, một siêu thị,... Vì vậy học sinh khi lựa chọn sẽ chọn các ngành có tính năng động cao hơn [2].

4) Sau thời gian đại dịch COVID-19 dẫn đến một trạng thái tâm lý ngại tiếp xúc và giao tiếp với xã hội thực ngày càng cao, nên xu hướng chọn nghề của các học sinh hiện nay không thích nghề giáo viên vì phải giao tiếp trước đám đông. Đây cũng là tình trạng đáng báo động cần có sự nghiên cứu thêm để đánh giá tác động của sử dụng thiết bị công nghệ đến xu hướng chọn nghề của học sinh.

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo giáo viên

Ngoài các nguyên nhân từ phía nhà trường như điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, hệ thống hạ tầng thông tin, công tác quản lý, hoạt động các phòng ban... Thì một yếu tố không nhỏ ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo giáo viên đến từ sinh viên.

Thứ nhất: Sinh viên ít được thực hành, không có nhiều hoạt động trải nghiệm thực tế. Phần lớn sinh viên của chúng ta vẫn học phụ thuộc vào lý thuyết sách vở và quan tâm quá nhiều đến điểm số, dẫn đến việc sinh viên có bằng giỏi ra trường nhưng lại lúng túng trong

việc thiết kế giờ dạy, xử lý tình huống, các hoạt động chuyên môn,... Sinh viên ra trường không thể làm chuyên môn ngay, không tự lên kế hoạch học tập để hoàn thiện mình. Không thực hành nhiều nên không chịu được áp lực công việc dễ chán nản đôi khi là thiếu tính thần học hỏi. Do đó, khi được tuyển dụng phần lớn các trường, cũng như các doanh nghiệp cần đào tạo lại gây lãng phí rất lớn.

Thứ hai: Sinh viên ngoài việc không trang bị tốt các kỹ năng thực hành chuyên môn nghiệp vụ mà còn yếu cả kỹ năng mềm: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng xử lý tình huống... Mặc dù theo chuẩn đầu ra các trường đều có đề cập nhưng thực tế một kỹ năng không thể có sau một vài tín chỉ mà là một sự rèn luyện thường xuyên. Hiện nay việc rèn luyện các kỹ năng này vẫn nặng lý thuyết mà ít chú trọng đến thực hành.

Thứ ba: Ngoại ngữ và tin học là hai rào cản lớn nhất đối với sinh viên. Một nghịch lý ở đây đó là việc sử dụng công nghệ gần như là phổ biến với mỗi học sinh sinh viên nhưng việc sử dụng ngoại ngữ và tin học của các sinh viên thì rất yếu. Sinh viên không sử dụng được ngoại ngữ để thực hiện giao tiếp và nghiên cứu tài liệu, khi yêu cầu sinh viên dịch tài liệu thì phần lớn sử dụng công nghệ Google dịch để đối phó với các giảng viên. Việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học nhưng thực tế không phải sinh viên nào cũng sử dụng hiệu quả. Cần phân biệt giữa việc sử dụng được với việc sử dụng hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin.

Thứ tư: Sự thụ động trong việc nâng cao trau dồi tay nghề. Do phần lớn sinh viên sư phạm không có định hướng rõ ràng và tâm huyết với nghề nên việc học chủ yếu là qua môn. Phần lớn khảo sát đối với giảng viên và sinh viên đều cho thấy việc sử dụng kiến thức sau khi học và thi xong là rất ít, không có hoặc lơ mơ, không chắc chắn. Ngay cả đối với môn chuyên ngành sâu, với tư duy cứ khi nào ra trường thì đọc lại vẫn kịp, điều này đã làm cho sinh viên trở nên thụ động và chậm chạp nên khi ra trường không bắt nhịp được với yêu cầu công việc.

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều qui định nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao như: Qui hoạch lại các trường đại học và các cơ sở có đào tạo giáo viên. Khảo sát và phân bổ lại chỉ tiêu đào tạo giáo viên đối với từng địa phương, hỗ trợ sinh viên sư phạm học phí và sinh hoạt... Nhưng với các sinh viên theo học các ngành sư phạm việc quan trọng nhất đó là có “đầu ra” do đặc thù ngành nghề chứ không chỉ là hỗ trợ kinh phí.

Qua phân tích nêu trên cho thấy để giảm tình trạng không có việc làm sau khi ra trường đối với sinh viên sư phạm, ngoài các yếu tố hỗ trợ thì việc thay đổi phương thức đào tạo giáo viên sao cho phù hợp với nhu cầu của thị trường là một yêu cầu cấp thiết.

2.2. Xây dựng chương trình đào tạo giáo viên định hướng ứng dụng nghề nghiệp của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2006 về việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học giai đoạn 2006 - 2020, trong đó nhấn mạnh “*Đổi mới giáo dục đại học phải đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả và đồng bộ; phải tiến hành đổi mới từ mục tiêu, quy trình, nội dung đến phương pháp dạy và học, phương thức đánh giá kết quả học tập; gắn bó chặt chẽ và tạo động lực để tiếp tục đổi mới giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp. Phát triển các chương trình giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp ứng dụng, trong đó khoảng 70 - 80% tổng số sinh viên theo học các chương trình nghề nghiệp ứng dụng vào năm 2020*” [3].

Một trong những chương trình giáo dục hiện nay đang được phát triển rất mạnh ở Việt Nam đó là giáo dục theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp (Professional Oriented Higher Education - POHE). Với nhiều ưu điểm nổi bật của chương trình đào tạo là lấy thị trường lao động làm trung tâm, thay đổi phương thức đào tạo hàn lâm sang đào tạo ứng dụng thực tế nghề nghiệp từ đó giúp người học có thể hòa nhập, áp dụng các kiến thức đã học vào môi trường làm việc nhanh hơn. Đồng thời giảm lãng phí trong quá trình đào tạo nhân lực cho các trường cũng như các cơ sở nghề nghiệp. Hiện nay các trường đại học Thủ đô cũng đang phát triển chương trình đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp. Nhưng đối với các mã ngành sư phạm thì việc triển khai còn gặp nhiều khó khăn.

Qua bài viết tác giả xin đề xuất các bước để xây dựng chương trình đào tạo sư phạm theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp

Bước 1: Tạo mối liên hệ giữa cơ sở giáo dục đại học có đào tạo giáo viên - Nhà quản lý - cơ sở sử dụng giáo viên

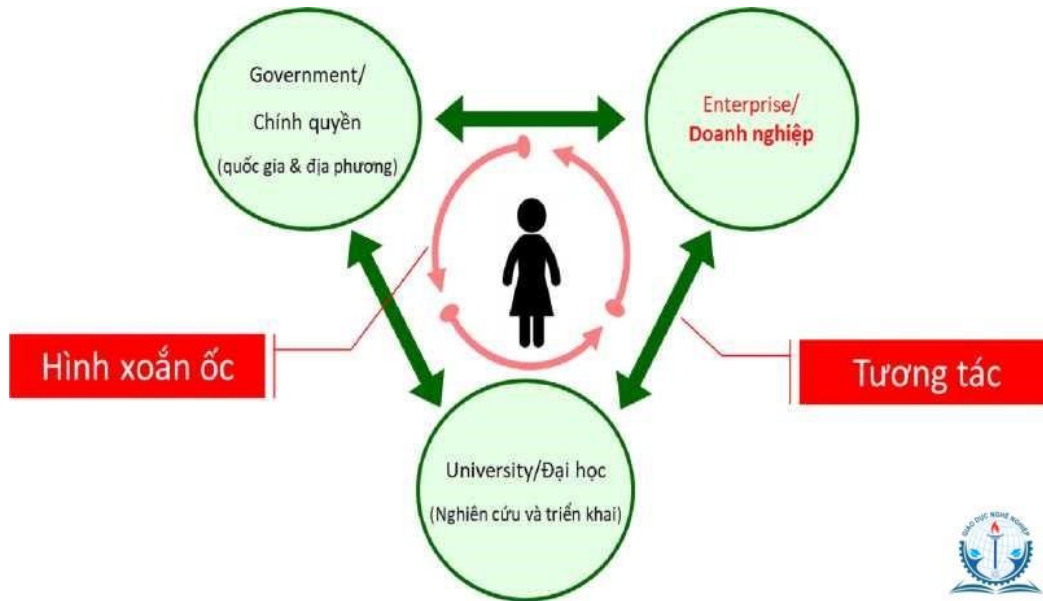
Cơ sở giáo dục đại học: Trường đại học có đào tạo giáo viên, trường cao đẳng sư phạm, học viện có đào tạo giáo viên.

Nhà quản lý: Chính phủ, Bộ, Sở, Phòng Giáo dục, các cơ quan chính quyền địa phương.

Cơ sở sử dụng giáo viên: là các nhà trường mầm non và phổ thông.

Trong Từ điển Giáo dục học, nhóm tác giả Vũ Văn Tảo, Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh (2016) cho rằng, thực hành là hình thức luyện tập để trau dồi kỹ năng, kỹ xảo hoạt động, để hiểu rõ và nắm vững kiến thức lý thuyết. Đây là khâu quan trọng đảm bảo nguyên lý giáo dục: “*học đi đôi với hành*” [4].

Thực hành nghề là giai đoạn luyện tập thực hiện hoạt động lao động nghề của người học nghề, sau khi đã được đào tạo lý thuyết cơ bản về nghề và trước khi bước vào hoạt động lao động nghề một cách chính thức trong xã hội, có sự giám sát, hỗ trợ của người hướng dẫn thuộc cơ sở đào tạo. Vì vậy, giữa ba bên cần phải có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong suốt quá trình đào tạo [5].



Hình 4: Liên kết đa chiều trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

Bước 2: Xây dựng hồ sơ năng lực nghề nghiệp

Đây là một trong những điều kiện tiên quyết để xây dựng chương trình. Các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo giáo viên xây dựng quy trình để khảo sát nhu cầu và yêu cầu đối với sinh viên sư phạm. Qua đó tổ chức các hội thảo giữa ba bên để xây dựng được hồ sơ năng lực nghề nghiệp.

Ví dụ để xây dựng chương trình đào tạo giáo viên tiểu học theo chương trình POHE, nhà trường đã phải tổ chức xây dựng các phiếu khảo sát đối với các hiệu trưởng giáo viên của các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Sau khi nắm được nhu cầu và yêu cầu đối với một giáo viên tiểu học tại thời điểm khảo sát, nhà trường tiến hành tổ chức nhiều hội thảo hội nghị có sự góp mặt của ba bên: đại diện bộ giáo dục, các giảng viên phụ trách xây dựng chương trình, ban giám hiệu trường đại học Thủ đô Hà Nội, hiệu trưởng, giáo viên và cựu sinh viên đang công tác một số trường tiểu học. Sau đó, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội tiến hành xây dựng hồ sơ năng lực nghề nghiệp đối với sinh viên ngành tiểu học.

Bước 3: Xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình POHE được xây dựng dựa trên hồ sơ năng lực nghề nghiệp. Việc đánh giá sinh viên theo hai nhóm điểm: Nhóm điểm lý thuyết và nhóm điểm thực hành.

Giảm tải các đơn vị kiến thức hàn lâm không thiết thực thay thế bằng các đơn vị kiến thức mang tính thực hành, thực tế và trải nghiệm cao. Trong hai nhóm điểm tác giả đề xuất nâng cao việc đánh giá nhóm điểm thực hành, đồng thời ưu tiên các giờ thực hành thực tế trải nghiệm.

Chương trình sẽ được xây dựng theo qui trình xây dựng hiện hành của bộ giáo dục: Xây dựng chuẩn đầu ra, xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng đề cương học phần,...

Chương trình đào tạo giáo viên ngành giáo dục tiểu học có các phần thực hành như sau [6]:

Học kì	Nhiệm vụ	Thời lượng
2	Tìm hiểu các mô hình trường Tiểu học - Tìm hiểu các hoạt động giáo dục trong nhà trường... (SV đi Thực hành vào thứ 2 hoặc thứ 6 để dự giờ chào cờ và sinh hoạt lớp ở trường tiểu học)	01 buổi/tuần
3	- Tìm hiểu các hoạt động giáo dục - Thực hành 01 học phần chuyên môn (Phương pháp dạy học Toán 1)	01 buổi/tuần
4	- Thực tập 1 - Thực hành 02 học phần chuyên môn (PPDH Tiếng Việt 1 và PPDH Toán 2)	04 tuần tập trung + 1 buổi/1 tuần ở thời điểm không đi TTSP
5	Thực hành 03 học phần chuyên môn (PPDH Tiếng Việt 2 và PPDH Tự nhiên Xã hội (TNXH), Giáo dục hòa nhập).	01 buổi/1 tuần
6	- Thực tập 2 - Thực hành 03 HP chuyên môn (Dạy học Tự nhiên xã hội theo định hướng phát triển năng lực; Công tác chủ nhiệm ở tiểu học; Giáo dục Đạo đức ở tiểu học)	04 tuần tập trung + 1 buổi/1 tuần ở thời điểm không đi TTSP
7	- Các hoạt động giáo dục - Thực hành 01 HP tổng hợp (Rèn luyện nghiệp vụ GDTH 2)	01 buổi/1 tuần
8	- Thực tập Tốt nghiệp	Thường xuyên cả học kỳ

Ngoài việc có các học phần thực hành tại các trường tiểu học, sinh viên sư phạm ngành giáo dục tiểu học theo chương trình POHE sẽ tham gia các hoạt động thực hành giáo dục nghề nghiệp khác như: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, các hoạt động trải nghiệm chuyên môn, các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hoạt động sáng tạo khởi nghiệp.

Bước 4: Để chương trình POHE có hiệu quả cần có sự tham gia của WOW (Thế giới việc làm, gọi tắt là công giới - World of Work): Đó là môi trường sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ tìm kiếm làm việc của mình, bao gồm các doanh nghiệp, cơ quan, nhà trường,...

Thế giới học tập (World of Learning - WOL) là môi trường mà sinh viên sẽ chuẩn bị những hành trang cần thiết như kiến thức, kỹ năng và thái độ của họ, đáp ứng với yêu cầu của thế giới việc làm. Như vậy, môi trường học tập không chỉ giới hạn ở trong phạm vi các cơ sở đào tạo, các trường đại học, mà còn phải được kể đến cả các hoạt động học tập diễn ra ở thực tế tại các trường học. Vì vậy, WOW sẽ tham gia cùng với WOL để thực hiện quá trình đào tạo.

Một số yêu cầu đối với chương trình đào tạo POHE:

1) *Sinh viên khi tham gia học theo chương trình POHE:* Sinh viên cần có thái độ chủ động trong học tập, vì sinh viên sẽ hoạt động chủ yếu là phương pháp làm việc nhóm, cùng nhau thực hiện dự án. Đồng thời trong chương trình sẽ có các hoạt động yêu cầu sinh viên tự học tự làm. Qua đó giúp sinh viên có phong cách học tập đặc trưng đó là học tập qua các hình thái hoạt động. Thái độ và phong cách học tập của sinh viên cũng là một tiêu chí để đánh giá, điều này giúp sinh viên nghiêm túc với việc học và công việc của mình.

2) *Xây dựng đội ngũ giảng viên:* Yêu cầu đầu tiên đối với người dạy trong chương trình đào tạo POHE đó là phải là người có kỹ năng thực hành, thực tế tốt. Vì chương trình đòi hỏi sự tích hợp giữa lý thuyết và thực hành nên người dạy phải làm tốt điều này. Việc mời các giáo viên của các trường phổ thông đến tham gia giảng dạy trong chương trình POHE cũng là điều cần thiết vì đó là các giáo viên có thực tế, bài giảng sẽ có tính giáo dục rất cao. Theo như khảo sát tại các trường đào tạo POHE thì các giờ dạy có sự tham gia của doanh nghiệp hoặc các CEO các tập đoàn đều có sự thu hút rất cao đối với sinh viên.

3) *Cơ sở vật chất:* Với đặc thù của chương trình POHE nên hệ thống cơ sở vật chất nên xây dựng giống như một mô hình thu nhỏ môi trường thực tế làm việc. Các hệ thống phòng thí nghiệm giảng dạy bố trí giống ở trường học. Trường Đại học Thủ đô hiện nay đã có trường Tiểu học và THCS thực hành Thăng Long tại cơ sở 4 ở Thường Tín, Nhà trường sẽ thuận lợi trong việc cho sinh viên có môi trường học tập thực tế, do đó, cần xây dựng thêm hệ thống giáo dục Mầm non và THPT để có thể chủ động trong quá trình đào tạo.

3. KẾT LUẬN

Việc phát triển đào tạo các ngành sư phạm theo định hướng giáo dục nghề nghiệp (POHE) là một yêu cầu cấp thiết đối với sự đổi mới giáo dục tại trường đại học Thủ đô Hà Nội. Để xây dựng một chương trình có chất lượng rất cần sự vào cuộc của các bên liên quan: Chính quyền, nhà trường tuyển dụng, nhà trường đào tạo, các giảng viên. Khi chương trình đi vào hoạt động sẽ nâng cao được chất lượng giáo dục, giảm lãng phí trong đào tạo từ đó sẽ giải quyết vấn đề đầu ra và thu hút học sinh giỏi tham gia vào các ngành sư phạm hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
2. Phạm Thị Lan Phương (2018), Kết quả khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp trường đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, *Tạp chí khoa học ĐHSP TPHCM*, 107-113.
3. Chính phủ (2006), *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 ngày 02 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020*, Hà Nội.
4. Vũ Văn Tảo, Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh (2016), *Từ điển Giáo dục học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
5. Nguyễn Danh Nam (2015), Cơ chế phối hợp giữa trường sư phạm và trường phổ thông trong đào tạo giáo viên theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng, *Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 3*, 2015.
6. Ngô Thị Kim Hoàn, Nguyễn Thị Hòa (2022), Những khó khăn khi triển khai tổ chức hoạt động thực hành cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE), *Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, tr.100-109.

CURRENT SITUATION OF EMPLOYMENT FOR GRADUATED TEACHER AND THE PROCEDURE OF DEVELOPING TEACHER PROGRAMS ACCORDING TO THE PROFESSION-ORIENTED HIGHER EDUCATION (POHE)

Abstract: *According to a survey by the Ministry of Education and Training and a number of pedagogical universities nationwide, the current employment rate of pedagogical students after graduation is about 80.6%. Compared with the rate of 86-90% of graduates from other majors, the employment rate of pedagogical students is still relatively low. In addition to the objective cause of the working environment, a subjective cause is that the quality of teacher training does not meet societal demands. Orientation, construction and innovation in training students towards a profession-oriented higher education (POHE) are being implemented by universities and have shown very good results. The article studies documents, compares, synthesizes and analyzes issues related to the current employment status of pedagogical students after graduation. Based on this, several recommendations are proposed for developing teacher training programs with profession-oriented higher education to enhance the professional competencies of students at the Ha Noi Metropolitan university*

Keyword: *Teacher training program, profession-oriented higher education (POHE), student of education, current situation of employment, the Ha Noi Metropolitan University.*